TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Sương

2. Bà Lê Thị Nga

Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp Bình Mỹ, xã B, huyện C, Thành phố H.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Bình Trường, xã B, huyện C, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp Bình Mỹ, xã B, huyện C, Thành phố H.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Bình Trường, xã B, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24/3/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hai vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Bà Đ cho rằng ông C là người không có trách nhiệm chăm sóc, lo lắng cuộc sống trong gia đình. Bản thân ông C chỉ biết công việc và đưa tiền về cho vợ con nhưng không quan tâm mọi việc sinh hoạt, chi tiêu trong nhà cũng

như không có sự tôn trọng bên gia đình vợ trong khi cha mẹ Bà Đ hỗ trợ cho vợ chồng từ việc cho đất xây cất nhà, phụ tiền học cho các con. Bà Đ nhiều lần trao đổi, góp ý và yêu cầu ông C sửa chữa nhưng ông vẫn không thay đổi. Bà Đ không tìm thấy quan điểm chung với ông C trong cuộc sống nên không muốn sống chung với ông C. Do nhận thấy tính tình, quan điểm sống không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã nên trước đây Bà Đ đã nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn để cho ông C có cơ hội thay đổi, hàn gắn tình cảm nhưng ông C vẫn không làm cho Bà Đ vững tâm tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông C. Bà Đ sống ly thân với ông C nhiều tháng nay và bà mong muốn được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Minh Kha, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng Thơ, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành tự chăm lo cho bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và Bà Đ tự nguyên chung sống có đăng ký kết hôn nhưng hai vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ mới phát sinh từ năm 2021 từ những việc ông ít chú ý quan tâm đến gia đình, bản thân ông chỉ biết đi làm đưa tiền về phụ vợ con, ông vẫn còn yêu thương vợ, nhiều lần ông năn nỉ và hứa sẽ sửa chữa nhưng Bà Đ không cho ông cơ hội. ông C không đồng ý ly hôn, mong muốn Bà Đ quay về đoàn tụ và ông sẽ làm theo mong muốn của Bà Đ. Ông và Bà Đ sống với nhau có 02 con chung là Nguyễn Minh Kha, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng Thơ, sinh năm 2003, các con đã trưởng thành. Ông không muốn ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên yêu cầu được ly hôn Ông Nguyễn Văn C. Bị đơn Ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với Bà Nguyễn Thị Đ

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy mối quan hệ vợ chồng của Bà Đ và ông C không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Văn C là có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ. Về con chung đều đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét, về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về án phí: đề nghị giải quyết theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với Ông Nguyễn Văn C. ông C có nơi cư trú tại Tổ 10, ấp Bình Trường, xã B, huyện C, Thành phố H. Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đ và ông C có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyển số 01/2003 ngày 15/10/2003 của Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khoảng thời gian chung sống với nhau các bên không có quan điểm chung, bản thân ông C chỉ biết nhu cầu cho cá nhân mà không quan tâm, chăm sóc vợ con và xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó, Bà Đ và ông C không có sự gắn kết vợ chồng nên giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng các bên vẫn không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Bà Đ cũng đã cho ông C nhiều cơ hội nhưng ông không sửa chữa. Xét mối quan hệ vợ chồng của Bà Đ và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà Đ xin ly hôn với ông C là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2.] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Minh Kha, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng Thơ, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành, tự chăm lo bản thân nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Bà Đ được chấp nhận nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Đ đối với Ông Nguyễn Văn C

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn Ông Nguyễn Văn C *(Giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyển số 01/2003 ngày 15/10/2003 của Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).*

2. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Minh Kha, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng Thơ, sinh năm 2003, các con đã trưởng thành, tự chăm sóc bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0046223 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm Châu